

Người tổ chức trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam: Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 / Nguyễn Thị Tuyết Mai ; Ngghd. : GS.TSKH. Đào Trí Úc

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGƯỜI TỔ CHỨC TRONG ĐỒNG PHẠM	11
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc qui định người tổ chức trong đồng phạm	11
1.1.1. Khái niệm người tổ chức trong đồng phạm	11
1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của người tổ chức trong đồng phạm	22
1.1.3. Ý nghĩa của việc qui định người tổ chức trong đồng phạm	26
1.2. Phân biệt khái niệm người tổ chức với một số khái niệm khác và với những người đồng phạm khác	28
1.3. Quá trình phát triển của Luật hình sự Việt Nam về người tổ chức trong đồng phạm	34
1.3.1. Giai đoạn từ trước năm 1945 và từ năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam 1985	34
1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự năm 1999	37
Chương 2: NGƯỜI TỔ CHỨC TRONG ĐỒNG PHẠM THEO QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ	41
2.1. Qui định của Bộ Luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người tổ chức trong đồng phạm	41

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của người tổ chức trong đồng phạm	41
2.1.2. Trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong đồng phạm trong trường hợp đồng phạm hoàn thành	43
2.1.3. Trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong đồng phạm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt	53
2.1.4. Trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong đồng phạm trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm	57
2.2. Thực tiễn xét xử người tổ chức trong đồng phạm	63
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ NGƯỜI TỔ CHỨC TRONG ĐỒNG PHẠM	84
3.1. Những hạn chế trong các qui định của Luật hình sự hiện hành về người tổ chức trong đồng phạm	84
3.1.1. Về qui định khái niệm người tổ chức trong đồng phạm	84
3.1.2. Về việc phân hóa mức độ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm nói chung, người tổ chức nói riêng	85
3.1.3. Về qui định trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong các giai đoạn phạm tội (trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt)	86
3.1.4. Về qui định trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm	87
3.1.5. Về qui định trường hợp phạm tội có tổ chức được qui định tại khoản 3 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999	89
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện các qui định pháp luật hình sự hiện hành về người tổ chức	90
3.2.1. Về khái niệm người tổ chức trong đồng phạm	90
3.2.2. Về phân hóa mức độ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm nói chung, người tổ chức nói riêng	91
3.2.3. Về trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong các giai đoạn phạm tội (trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt)	93
3.2.4. Về trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm	95
3.2.5. Về qui định tại khoản 3 Điều 20 - Trường hợp phạm tội có tổ	96

	chức	
3.3.	Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người tổ chức trong đồng phạm	97
3.3.1.	Về lập pháp	97
3.3.2.	Về áp dụng pháp luật	97
	KẾT LUẬN	100
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay thì việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp Luật hình sự (PLHS) là sự cần thiết và tất yếu. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu và quy luật đối với mỗi quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và thời đại phát triển như vũ bão của các tiến bộ về khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông tin học.

Tuy nhiên, đi đôi với bối cảnh đó là sự diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm, tội phạm do nhiều người cùng thực hiện, mang tính chất quốc tế, xuyên quốc gia. So với tội phạm do một người thực hiện, tội phạm do có đồng phạm thực hiện thường nguy hiểm hơn, vì khi một nhóm người cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội thì tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ tăng lên đáng kể, nhất là khi có sự cấu kết chặt chẽ về tổ chức và cách thức thực hiện. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) thì số vụ án hình sự có đồng các bị cáo (từ 02 trở lên) tham gia, đều thể hiện năm sau tăng hơn năm trước, tính chất thực hiện hành vi phạm tội quy mô hơn, phức tạp hơn, nguy hiểm hơn. Bởi lẽ trong những vụ án đó luôn có những người đứng ra tổ chức, chỉ huy các đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội, do vậy người tổ chức bao giờ cũng giữ vai trò chính trong vụ án.

Người tổ chức là một loại người đồng phạm. Đồng phạm là một chế định quan trọng của Luật hình sự (LHS). Trước năm 1985, chế định đồng phạm được qui định rải rác trong một số văn bản đơn lẻ khác nhau của Nhà nước. Từ khi pháp điển hóa lần thứ nhất LHS nước ta với sự xuất hiện của Bộ Luật hình sự (BLHS) năm 1985, các chế định của LHS nói chung, chế định đồng phạm trong LHS nói riêng đã được nâng lên đáng kể về mặt lập pháp và đạt được những thành tựu đáng kể. Sau một thời gian thi hành, BLHS năm 1985 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, không đáp ứng được với yêu cầu của lý luận và thực tiễn. Do vậy, BLHS năm 1999 ra đời. Với lần pháp điển hóa thứ hai này, BLHS hiện hành đã có những sửa đổi, bổ sung nhất định đối với các chế định, trong đó có chế định đồng phạm. Tuy nhiên, những qui định về người tổ chức thì không có sự thay đổi so với lần pháp điển hóa lần thứ nhất.

Theo qui định của PLHS Việt Nam - tại khoản 2 Điều 17 BLHS năm 1985, cũng như khoản 2 Điều 20 BLHS năm 1999 đều ghi nhận người tổ chức là: người chủ mưu, cầm, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Tuy nhiên, trong khoa học LHS Việt Nam cũng như trong thực tiễn xét xử nước ta, không chỉ có người tổ chức trong đồng phạm, mà còn có cả người tổ chức thực hiện tội phạm trong trường hợp phạm tội độc lập. Do pháp luật thực định chỉ qui định người tổ chức nói chung và không có định nghĩa rõ ràng, chính xác đối với từng loại người đồng phạm nên khi áp dụng vào thực tế, giữa các nhà áp dụng pháp luật có nhiều cách hiểu khác nhau, không thống nhất. Ví dụ như trường hợp người tổ chức ở dạng chủ mưu lại cho là ở dạng cầm đầu, hay chỉ đánh giá chung chung là người giữ vai trò chính; tương tự có trường hợp người giúp sức, người xúi giục lại cho là người chủ mưu... Không chỉ là việc xác định không đúng dạng người tổ chức, không chính xác loại người đồng phạm mà quan trọng hơn - hậu quả của việc xác định từng loại người đồng phạm là khác nhau, dẫn đến việc xác định không chính xác về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đã thực hiện của những người đồng phạm, cũng như việc quyết định TNHS và hình phạt đối với họ. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người phạm tội và nó cũng không đảm bảo được nguyên tắc công bằng trong LHS.

Mặt khác, từ khi BLHS năm 1999 có hiệu lực cho đến nay, chưa có một văn bản hướng dẫn nào liên quan đến chế định về người tổ chức trong đồng phạm. Trong thực tiễn xét xử hình sự ở nước hiện nay, về người tổ chức trong đồng phạm, các nhà hoạt động áp dụng pháp luật vẫn phải sử dụng văn bản hướng dẫn của BLHS năm 1985 - Nghị quyết số 02/88/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán (HĐTP) TANDTC hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/86/ HĐTP ngày 05/01/1986 trong đó có hướng dẫn như thế nào thì coi là phạm tội có tổ chức và có nêu ra ba dạng thể hiện của hình thức phạm tội này. Tiếp đến là Nghị quyết số 01/89/HĐTP ngày 19/4/1989 của HĐTP TANDTC hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/86/ HĐTP ngày 05/01/1986 trong đó có giải thích cụ thể như thế nào thì được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đối với người tổ chức. Như vậy rõ ràng là bất hợp lý khi BLHS năm 1999 đã thay thế BLHS năm 1985, nhưng văn bản hướng dẫn về người tổ chức của BLHS năm 1999 lại là

văn bản hướng dẫn đối với qui định của BLHS năm 1985 và vẫn được các nhà áp dụng pháp luật áp dụng trong thực tiễn xét xử nước ta.

Xuất phát từ thực trạng PLHS hiện hành, cũng như sự khác nhau, sự chưa thống nhất giữa thực tiễn với qui định của pháp luật trong chế định về người tổ chức trong đồng phạm của LHS nêu trên, nên lý do để tác giả quyết định lựa chọn đề tài: **"Người tổ chức trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam"** làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình với mong muốn đưa ra được những điểm hạn chế của pháp luật hiện hành và một số giải pháp để khắc phục hạn chế đó, đóng góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện PLHS hiện nay, nhằm góp phần phòng, chống các tội phạm có đồng phạm, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần phục vụ thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có ý nghĩa chính trị - xã hội và lý luận - thực tiễn quan trọng.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Ý tưởng chọn đề tài trên làm luận văn thạc sỹ của tác giả phần nhiều là xuất phát từ thực tiễn, qua thực tiễn được tiếp xúc, trải nghiệm và gặp phải những khó khăn nhất định trong công tác chuyên môn của bản thân mình khi giải quyết các vụ án có đồng phạm, nhất là việc xác định loại người đồng phạm, từ đó để xác định hậu quả pháp lý đối với họ.

Qua sự nghiên cứu, theo dõi của bản thân, học viên thấy rằng từ khi BLHS năm 1999 có hiệu lực đến nay, chưa có văn bản dưới luật nào giải thích, hướng dẫn chi tiết nhằm làm rõ hơn vấn đề người tổ chức trong đồng phạm trong LHS Việt Nam

Dưới góc độ khoa học pháp lý, trong thời gian qua việc nghiên cứu về đồng phạm đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu lý luận, luật gia hình sự và cán bộ thực tiễn. Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố, thể hiện ở một số giáo trình của các trường Đại học, Cao đẳng, sách chuyên khảo sau Đại học như: *Những lý luận cơ bản về tội phạm trong Luật hình sự*, Viện Nhà nước và pháp luật, Ủy ban khoa học Xã hội Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1986; *Mô hình lý luận về BLHS Việt Nam (Phần chung)*, GS.TSKH Đào Trí Úc (Chủ biên), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 1995; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập I, trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an

nhân dân, Hà Nội, 1997; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội (tập thể tác giả do GS.TS Nguyễn Ngọc Hoà chủ biên), NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Đại học Huế - Trung tâm đào tạo từ xa (do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên), NXB Giáo dục; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, của Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, (tập thể tác giả do GS. TSKH. Lê Cẩm chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003; *Hình luật xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Phần chung)*, Trường cao đẳng Kiểm sát, Hà Nội, 1983; Lê Cẩm (chủ biên), Sách chuyên khảo: *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2005; hay ở các luận văn, luận án như: Nguyễn Thị Trang Liên, *Các hình thức đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, năm 2007, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trần Quang Tiệp, *Đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2000; cũng như trong các sách bình luận, sách tham khảo, bài viết như: *Bình luận khoa học Bộ Luật hình sự Việt Nam năm 1999*, Tập I, Phần chung (tập thể tác giả do TS. Ưông Chu làm chủ biên), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004; Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ Luật hình sự*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001; Đặng Văn Doãn, *Vấn đề đồng phạm*, NXB Pháp lý, Hà Nội, 1986; Trần Quang Tiệp, *Chế định đồng phạm trong pháp Luật hình sự ở một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11/1997; Nguyễn Ngọc Hòa, *Trần Quốc Dũng phạm tội gì. Bàn về các giai đoạn phạm tội và vấn đề cộng phạm*, Tạp chí TAND, số 02/1980; Lê Cẩm, *Về chế định đồng phạm*, Tạp chí TAND, số 02/1988; Đoàn Văn Hường, *Đồng phạm và một số vấn đề về thực tiễn xét xử*, Tạp chí TAND, số 4/2003; Lê Thị Sơn, *Về các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm*, Tạp chí Luật học, số 3/1998; Nguyễn Trung Thành, *Phạm tội có tổ chức trong Luật hình sự Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/1999; Nguyễn Trung Thành, *Cơ sở và những nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội có tổ chức*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/2002; Dương Văn Tiến, *Phân biệt đồng phạm với che dấu tội phạm và không tố giác tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 1/1985; Dương Văn Tiến, *Các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 1/1986.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu các công trình trên cho thấy một số công trình có phạm vi nghiên cứu rộng như nghiên cứu đồng phạm nói chung, trong khi đó vấn đề người tổ chức chỉ là một phần nhỏ trong nội dung nghiên cứu của các tác giả nên chưa được phân tích sâu về mặt lý luận và thực tiễn hoặc chỉ xem xét dưới góc độ tội phạm học - phòng ngừa; có công trình nghiên cứu về đồng phạm nhưng đã được tiến hành cách đây khá lâu (1980). Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các quy định của BLHS năm 1999 về người tổ chức trong chế định đồng phạm, cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về chế định đồng phạm vẫn còn có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu, đưa ra được sự không thống nhất giữa các qui định của LHS hiện hành với lý luận và thực tiễn về vấn đề người tổ chức trong đồng phạm. Đặc biệt, tác giả muốn tập trung đi vào phân tích, nêu lên được những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các qui định của PLHS hiện hành trong thực tiễn vì giữa lý luận và thực tiễn mà không thống nhất thì rất khó khăn trong việc áp dụng.

Qua việc phân tích các bất cập trong qui định của pháp luật hiện hành, rồi gắn chúng với thực tiễn, tác giả sẽ có những đánh giá, đề xuất và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn qui định pháp luật với mục đích cuối cùng là sao cho các qui định đó phù hợp hơn với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà thực tiễn trong việc áp dụng, đồng thời cũng tạo sự thống nhất giữa khoa học LHS với các qui định của pháp luật hiện hành và thực tiễn.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam cụ thể là:

- Nghiên cứu một số vấn đề chung về người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam.
- Nghiên cứu một số nguyên tắc xác định TNHS của người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam.
- Nghiên cứu thực trạng xét xử người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam hiện nay.

- Đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện các qui định về người tổ chức trong đồng phạm.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng, mục đích nghiên cứu đã xác định phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Về nội dung, do điều kiện có hạn, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những qui định của PLHS Việt Nam từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay về người tổ chức trong đồng phạm. Do thời gian có hạn, luận văn không nghiên cứu về người tổ chức trong đồng phạm trong PLHS của các nước, mà chỉ lấy qui định của một số nước làm ví dụ so sánh với qui định của nước ta. Việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng PLHS cho thấy, về cơ bản các qui định trong BLHS năm 1999 về người tổ chức không khác so với qui định ở BLHS năm 1985. Do vậy, trong phần những vấn đề chung về người tổ chức trong đồng phạm, luận văn tập trung phân tích qui định của BLHS năm 1999, bởi đó cũng chính là qui định của BLHS năm 1985.

- Về tư liệu thực tế (các ví dụ chứng minh cho quan điểm, luận chứng của mình), luận văn chỉ nêu những vụ án điển hình đã xét xử từ năm 2005 - 2009 của ngành TAND thành phố Hà Nội. Mặc dù không phải là những ví dụ đại diện cho cả nước, nhưng qua một số vụ án điển hình ở thành phố Hà Nội cũng có thể nói lên tình hình, đặc điểm chung cho các địa phương khác ở nước ta, bởi lẽ đó là tình trạng chung thường xuyên gặp phải trong thực tiễn xét xử nước ta, chứ không chỉ là riêng của một địa phương nào.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Quá trình nghiên cứu trong đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

- Phương pháp phân tích: Phương pháp này thể hiện trong luận văn là những lý giải, phân tích những điều luật qui định về người tổ chức trong đồng phạm theo BLHS năm 1999. Các nhận xét, đánh giá, đề xuất đối với việc qui

định về người tổ chức trong đồng phạm của các nhà nghiên cứu khoa học LHS Việt Nam qua đó rút ra được sự cần thiết, vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của việc nghiên cứu loại người này trong đời sống pháp luật, trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền của Việt Nam.

- Phương pháp so sánh: Luận văn sử dụng phương pháp so sánh để đưa ra các kiến giải về qui định người tổ chức trong đồng phạm, từ đó rút ra được những kết luận về thực trạng, giải pháp và các đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật.

- Phương pháp thống kê xã hội học: Phương pháp này được thể hiện thông qua những tài liệu, số liệu cũng như các báo cáo của TAND thành phố Hà Nội trong thời gian vừa qua về tình hình xét xử người tổ chức để làm cơ sở phân tích, nghiên cứu nhằm tìm ra nguyên nhân, giải pháp. Bên cạnh đó, phương pháp này còn được thể hiện ở việc sưu tầm các số liệu tìm được trên mạng Internet cũng như các tổng hợp thống kê của TANDTC.

Ngoài ra trong đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích thuần túy quy phạm pháp luật; nghiên cứu, điều tra án điển hình... để phân tích và luận chứng các vấn đề khoa học cần nghiên cứu trong luận văn này. Trong quá trình thực hiện đề tài luận văn, học viên đã tiếp thu có chọn lọc kết quả của các công trình đã công bố; các đánh giá, tổng kết của các cơ quan chuyên môn và các chuyên gia về những vấn đề có liên quan đến các vấn đề nghiên cứu trong luận văn.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của đề tài

BLHS Việt Nam năm 1999 kế thừa các qui định của BLHS năm 1985 trong qui định về người tổ chức trong đồng phạm. Từ đó đến nay, qua thực tiễn áp dụng đã xuất hiện nhiều bất cập, khó khăn, không thống nhất trong cách hiểu và cách áp dụng những qui định này. Tuy nhiên, hiện chưa có một văn bản hướng dẫn cụ thể nào qui định chi tiết về vấn đề này.

Về mặt nghiên cứu khoa học, theo sự hiểu biết của tác giả, cho đến nay cũng chưa có một công trình nghiên cứu khoa học hình sự nào nước ta đã được công bố có tính chuyên sâu và hệ thống về đề tài người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam. Vì đây là một đề tài vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn nên vấn đề người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam mới

chỉ được đề cập ở một số ít các bài viết, bài nghiên cứu khoa học, hay chỉ là một phần nhỏ trong một số công trình nghiên cứu khoa học, mà chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu riêng nào về vấn đề này. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ giúp xác định được khái niệm, các dấu hiệu pháp lý, TNHS của người tổ chức trong phạm trong một số trường hợp, từ đó đưa ra những kiến nghị về mặt lập pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện qui định về người tổ chức trong đồng phạm. Theo học viên, đây chính là tính mới về mặt khoa học của đề tài này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ở bình diện lý luận, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về chế định đồng phạm trong khoa học LHS Việt Nam. Cụ thể, đã làm rõ các vấn đề chung về người tổ chức trong đồng phạm trong LHS Việt Nam, phân tích khái quát lịch sử hình thành và phát triển của các quy định PLHS nước ta về người tổ chức trong đồng phạm từ trước năm 1945 đến nay, phân biệt hình thức đồng phạm này với một số hình thức đồng phạm khác và một số hình thức liên quan đến "tổ chức" như phạm tội có tổ chức, tội phạm có tổ chức mà hiện hay thường có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ chế định đồng phạm quy định của BLHS năm 1999; phân tích thông qua nghiên cứu thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2005 đến năm 2010 và trên toàn quốc để so sánh, qua đó chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập của các quy định hiện hành; chỉ ra các sai sót trong quá trình áp dụng các quy định đó cũng như đưa ra nguyên nhân để tìm giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS về người tổ chức trong chế định đồng phạm ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng trong thực tiễn.

Về thực tiễn, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng BLHS Việt Nam liên quan đến việc xác định người tổ chức trong đồng phạm, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm có sự tham gia của người tổ chức hiện nay và sắp tới.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về người tổ chức trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Người tổ chức theo quy định của Bộ Luật hình sự Việt Nam năm 1999 và thực tiễn xét xử các vụ án có người tổ chức trong đồng phạm.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ Luật hình sự Việt Nam về người tổ chức trong đồng phạm.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGƯỜI TỔ CHỨC TRONG ĐỒNG PHẠM

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc qui định người tổ chức trong đồng phạm

Trong phần này, tác giả nêu qui định của một số nước về người tổ chức; các quan điểm trong khoa học Luật Hình sự Việt Nam về người tổ chức. Từ đó tác giả đưa ra quan điểm của mình về khái niệm người tổ chức và nêu ra các đặc điểm của người tổ chức, ý nghĩa của việc qui định người tổ chức trong đồng phạm trong Luật Hình sự.

1.1.1. Khái niệm người tổ chức trong đồng phạm

Quan điểm của tác giả về khái niệm người tổ chức " *Người tổ chức trong đồng phạm là người đồng phạm thỏa mãn các dấu hiệu của người tổ chức thực hiện tội phạm.*

Người tổ chức thực hiện tội phạm là người thành lập nhóm tội phạm hoặc điều khiển nhóm tội phạm cụ thể dưới dạng chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy".

- Người chủ mưu được hiểu là người đứng ra cầm đầu, điều khiển hoạt động của tổ chức (băng, ô, nhóm) nhưng cũng có thể không tham gia tổ chức.

- Người cầm đầu được hiểu là người đứng đầu các băng, ô, nhóm (tổ chức) phạm tội hoặc tham gia vào việc soạn thảo kế hoạch, phương hướng hoạt động chính của tổ chức. Trong quá trình thực hiện vai trò của mình, người cầm đầu phân công giao trách nhiệm cho đồng bọn, đồng thời đôn đốc, chỉ huy, điều khiển hoạt động của tổ chức và đối với từng thành viên trong tổ chức mà họ và đồng bọn tham gia.

- Người chỉ huy được hiểu là người trực tiếp giữ vai trò điều khiển việc thực hiện tội phạm trong tổ chức mà họ và đồng bọn tham gia. Người chỉ huy giữ vai trò đôn đốc và chỉ huy đồng bọn theo mệnh lệnh của mình hay theo kế hoạch mà tổ chức đã vạch ra, có thể chỉ huy từ xa hay chỉ huy tại chỗ. Trong trường hợp là chỉ huy tại chỗ thì người chỉ huy đồng thời là người thực hành.

1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của người tổ chức trong đồng phạm

- Hành vi phạm tội do người tổ chức gây ra là những hành vi cực kỳ nguy hiểm cho xã hội và được thực hiện dưới dạng hành động phạm tội.

- Hành vi phạm tội do người tổ chức gây ra một hậu quả nghiêm trọng đối với toàn xã hội, đó có thể là thiệt hại về vật chất, về tinh thần, thậm chí thiệt hại về chính trị

- Hành vi phạm tội của người tổ chức luôn được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Sự cố ý của người tổ chức xét về mặt chủ quan có những dấu hiệu sau:

- Nhận thức được hành vi phạm tội do mình thực hiện là rất nguy hiểm, thậm chí đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Các hành vi đó có thể là thành lập băng, nhóm, tổ chức tội phạm; tập hợp, lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia vào tổ chức tội phạm do mình thành lập; và điều khiển hoạt động phạm tội của đồng bọn, cũng như việc tổ chức thực hiện một tội phạm cụ thể.

- Nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của đồng bọn phạm tội do mình trực tiếp cầm đầu điều khiển chỉ huy.

- Nhận thức được hậu quả phạm tội chung mà cả tổ chức đã thống nhất thực hiện và mong muốn hậu quả đó mà xảy ra trong thực tế để đạt được mục đích phạm tội của tổ chức.

- Hành vi phạm tội của người tổ chức có mối quan hệ nhân quả với hậu quả của tội phạm do chính người tổ chức gây ra.

1.1.3. Ý nghĩa của việc qui định người tổ chức trong đồng phạm

Về mặt lý luận, khái niệm người tổ chức trong đồng phạm được quy định trong BLHS năm 1999 để từ đó xác định các quy phạm khác của chế định đồng phạm về những loại người đồng phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm trong đồng phạm, tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm trong đồng phạm,

các hình thức đồng phạm và TNHS trong đồng phạm; đồng thời là cơ sở lý luận cho việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề khác mang tính đặc thù đối với đồng phạm như các giai đoạn thực hiện tội phạm, các hình thức đồng phạm, phạm tội có tổ chức, tổ chức tội phạm... Khái niệm người tổ chức cùng với khái niệm đồng phạm là cơ sở pháp lý để phân biệt những hành vi liên quan đến tội phạm và truy cứu TNHS những người đồng phạm. Việc nhận thức đúng đắn khái niệm người tổ chức trong thực tiễn xét xử là bảo đảm quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực hình sự, nguyên tắc xử lý được quy định tại điều 3 BLHS năm 1999, nhằm xử lý đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm.

Như vậy, khái niệm người tổ chức có ý nghĩa thống nhất về mặt nhận thức trong nghiên cứu lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử.

Bên cạnh những ý nghĩa nói trên, khái niệm người tổ chức còn có ý nghĩa trong việc xác định tính nguy hiểm cho xã hội của loại người đồng phạm này khi so sánh với loại người đồng phạm.

Trong mối quan hệ với Luật Tổ tụng hình sự, khái niệm người tổ chức có ý nghĩa là một trong những cơ sở để thực hiện nhiều chế định của luật tố tụng hình sự như chế định chứng cứ (xác định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ) chế định các biện pháp ngăn chặn...

Ngoài ra khái niệm người tổ chức còn có ý nghĩa là cơ sở lý luận cho một số ngành khoa học pháp lý có liên quan đến khoa học luật hình sự như: tội phạm học, tâm lý học tư pháp... trong việc nghiên cứu những vấn đề về tội phạm có tổ chức, tội phạm chưa thành niên thành niên, vấn đề đồng phạm dưới góc độ tâm lý học để đề xuất những biện pháp phòng, chống tội phạm có hiệu quả thiết thực hơn.

Về mặt thực tiễn, việc xác định đúng người tổ chức trong vụ án đồng phạm, thể hiện sự nhận thức đúng vị trí vai trò của loại người này, đánh giá đúng đắn tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do vậy xác định đúng vị trí vai trò của người tổ chức trong vụ án đồng phạm có ý nghĩa trong việc cá thể hóa TNHS, cũng như để cá thể hóa trách nhiệm dân sự đối với người tổ chức.

1.2. Phân biệt khái niệm người tổ chức với một số khái niệm khác và với những người đồng phạm khác

Thứ nhất, phân biệt người tổ chức trong đồng phạm với tổ chức phạm tội (hay tổ chức tội phạm). PLHS nước ta không truy cứu TNHS đối với một tổ chức (pháp nhân), vì vậy không có khái niệm tổ chức phạm tội trong Luật Hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử vẫn có thể có một tập thể của một tổ chức phạm tội, tức là có sự thống nhất từ người đứng đầu đến các nhân viên thực hiện một tội phạm, nhưng khi truy cứu TNHS thì chỉ truy cứu từng cá nhân trong tổ chức đó. Như vậy, tổ chức tội phạm là một khái niệm về mặt hình thức của Luật Hình sự, được hiểu là một nhóm người tổ chức hoặc là một liên minh(hợp nhất) của các nhóm người có tổ chức, được thành lập dựa trên sự nhất trí cao và cấu kết chặt chẽ với nhau nhằm mục đích thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Thứ hai, phân biệt người tổ chức trong đồng phạm với phạm tội có tổ chức. Hai khái niệm là khác nhau vì người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, nói lên vai trò, nhiệm vụ của một người trong một vụ án có đồng phạm; còn phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm, nó nói lên qui mô, tính chất, mức độ nguy hiểm mà tội phạm đã xảy ra. Tất nhiên, trong phạm tội có tổ chức thì có người tổ chức(người cầm đầu), nhưng không phải chỉ có người tổ chức này mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức mà tất cả những người tham gia đều bị coi là phạm tội có tổ chức.

Thứ ba, phân biệt người tổ chức trong đồng phạm với hành vi tổ chức trong một số tội phạm cụ thể như: tội Tổ chức tảo hôn, tội Tổ chức đánh bạc, tội Tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy, tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép....Khái niệm " tổ chức" trong các tội phạm cụ thể nêu ở trên là hành vi phạm tội, vì một người có hành vi tổ chức những tội phạm như trên cũng có thể có đầy đủ dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể với vai trò người tổ chức của tội phạm đó, còn người tổ chức trong đồng phạm phải có sự thống nhất ý chí của người tổ chức cùng đồng bọn phạm tội, hoạt động theo phương hướng, kế hoạch đã sắp đặt từ trước và phạm cùng một tội. Đối với các tội phạm có sử dụng cụm từ tổ chức thì chỉ một người cũng có thể tổ chức thực hiện được tội phạm này.

So với những người đồng phạm khác, người tổ chức có sự tương đồng và khác biệt cơ bản sau:

Thứ nhất với người thực hành, trong đồng phạm, đối với một số tội phạm mà PLHS đòi hỏi chủ thể đặc biệt thì chỉ có người thực hành mới phải thoả mãn dấu hiệu của chủ thể đặc biệt, còn người tổ chức cũng như những người đồng phạm khác trong vụ án có đồng phạm về các tội nêu trên không đòi hỏi phải có dấu hiệu của chủ thể đặc biệt. Người thực hành thì có ở tất cả các vụ án có đồng phạm. Hành vi phạm tội của người tổ chức thường nguy hiểm hơn hành vi phạm tội của người thực hành trong vụ án có đồng phạm. Hành vi phạm tội của người thực hành giữ vai trò trung tâm trong một vụ án có đồng phạm. Xét về mặt chủ quan thì sự cố ý của người tổ chức và người thực hành trong đồng phạm đều có đặc điểm: Họ đều nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do mình thực hiện; Họ đều nhận thức được hậu quả của tội phạm chung và mong muốn cho hậu quả ấy xảy ra trong thực tế.

Tuy nhiên, nếu người tổ chức luôn thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp thì người thực hành có thể thực hiện hành vi đó dưới hình thức lỗi cố ý gián tiếp khi người này để mặc cho hậu quả của tội phạm xảy ra; nếu người tổ chức luôn tự mình thực hiện hành vi phạm tội bằng cách cầm đầu và chỉ huy đồng bọn thực hiện tội phạm thì người thực hành có thể tự thực hiện tội phạm hoặc có thể đóng vai trò là người thực hành khi sử dụng hoặc lợi dụng người khác phạm tội.

Thứ hai với người xúi giục, người tổ chức bao giờ cũng có hành vi xúi giục. So sánh người có hành vi xúi giục với người tổ chức ta thấy rằng trong hành vi của người tổ chức thường có dấu hiệu thuộc nội hàm khái niệm người xúi giục như rủ rê, lôi kéo người khác tham gia vào băng nhóm phạm tội, tổ chức phạm tội nhưng người xúi giục không có đặc trưng cơ bản của người tổ chức là đứng trên điều khiển người đồng phạm khác. Đây chính là dấu hiệu để phân biệt hành vi xúi giục của người xúi giục với hành vi xúi giục của người tổ chức trong vụ án có đồng phạm. Xét về mặt chủ quan thì sự cố ý của người tổ chức và người xúi giục đều có những điểm sau: Họ đều nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi tác động, thúc đẩy người khác phạm tội của mình; Họ đều nhận

thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội mà người bị xúi giục sẽ thực hiện; Thấy trước được hậu quả phạm tội chung và mong muốn cho hậu quả chung của tội phạm xảy ra.

Thứ ba với người giúp sức: Nếu trong vụ án đồng phạm có người tổ chức và người giúp sức thì họ cũng phải có cùng ý chí, mục đích và quyết tâm phạm tội, sự cùng ý chí đó thể hiện rõ hơn cả trong đồng phạm có tổ chức. Xét về mặt chủ quan, sự cùng cố ý của người tổ chức và người giúp sức trong một vụ án có đồng phạm thể hiện ở chỗ: Họ đều nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm do mình thực hiện; Họ đều nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi do mình hỗ trợ hoặc tổ chức; Đều thấy được hậu quả chung và mong muốn hậu quả chung xảy ra.

1.3. Quá trình phát triển của Luật hình sự Việt Nam về người tổ chức trong đồng phạm

1.3.1. Giai đoạn từ trước năm 1945 và từ năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam 1985

- Giai đoạn trước năm 1945: Các qui định về người tổ chức đã được đề cập trong Quốc Triều Hình luật, Hoàng Việt Luật lệ và BLHS Trung Kỳ năm 1933 với các tên gọi người khởi xướng, người đứng đầu, kẻ chủ mưu và người chính yếu trong nguyên tắc trừng trị,

- Sau năm 1945, Các qui định về người tổ chức đã được qui định, giải thích, hướng dẫn trong các Sắc lệnh (Sắc lệnh số 13 - SL ngày 20/01/1953, Sắc lệnh số 267-SL ngày 15/6/1956); Pháp lệnh trừng trị các tội phản Cách mạng ngày 30/10/1967; trong các báo cáo tổng kết công tác năm 1963, năm 1968 của TANDTC.

1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành BLHS năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự năm 1999

Khái niệm người tổ chức lần đầu tiên được qui định chính thức trong BLHS tại khoản 2 Điều 17 BLHS năm 1985: " Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm", đã đánh dấu một bước phát triển về chất trong hoạt động lập pháp hình sự của Nhà nước ta.

Đề áp dụng thống nhất BLHS năm 1985, thời kỳ này có Nghị Quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 và Nghị quyết số 01/89/HĐTP ngày 19/04/1989 của

HĐTP TAND tối cao hướng dẫn về điều kiện của người tổ chức để được miễn TNHS theo Điều 16 BLHS năm 1985 trong trường tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 đã giải thích rõ trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định tại khoản 3 Điều 17 BLHS năm 1985

Tóm lại, người tổ chức trong đồng phạm là người nguy hiểm nhất, là linh hồn của tội phạm. Ý thức được điều này nên trong hệ thống PLHS của nước ta từ trước năm 1945, rồi từ năm 1945 đến khi pháp điển hóa lần 1 (1985) đã có những qui định về người tổ chức trong đồng phạm. Tuy rằng các qui định đó còn chưa đầy đủ, rõ ràng nhưng cũng đã phần nào đề cập, giải quyết đến loại người tổ chức trong đồng phạm trong Luật Hình sự.

BLHS năm 1985 đã có những kế thừa những ưu điểm qui định về người tổ chức trong truyền thống lịch sử lập pháp của cha ông ta trước đây và bổ sung những qui định mới để phù hợp với điều kiện lịch sử. Cụ thể là đã khái quát được "chân dung" người tổ chức trong đồng phạm là những người chủ mưu, cầm đầu, khởi xướng và đã phân hóa vai trò của người này với những loại người đồng phạm khác, để từ đó có đường lối xử lý nghiêm khắc với loại người này. Đây cũng là một sự tiến bộ lớn của các nhà lập pháp nước ta trong điều kiện đất nước gặp nhiều khó khăn về mọi mặt lúc bấy giờ.

So sánh BLHS năm 1985 của nước ta với BLHS của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa và của Cộng hòa Liên bang Nga thấy có những điểm tương đồng, đó là đều đề cập đến bốn loại người đồng phạm, trong đó có người tổ chức, xác định người tổ chức là người nguy hiểm nhất, là người chính phạm, giữ vai trò chính trong vụ án và có sự phân hóa TNHS của người tổ chức với những người đồng phạm khác.

So với BLHS của một số nước như Nhật Bản, Cộng hòa liên bang Đức, Vương quốc Bỉ, Vương quốc Thụy Điển thì BLHS năm 1985 của ta có điểm khác nhau cơ bản là họ qui định người chính phạm trong vụ án là người thực hành tội phạm.

Chương 2

NGƯỜI TỔ CHỨC TRONG ĐỒNG PHẠM THEO QUI ĐỊNH ư CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ

2.1. Qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người tổ chức trong đồng phạm

Về cơ bản BLHS năm 1999 không sửa đổi gì nhiều so với BLHS năm 1985 liên quan đến chế định đồng phạm, người tổ chức trong đồng phạm. Tuy nhiên BLHS năm 1999 có một điểm tiến bộ hơn BLHS năm 1985, đó là đã qui định vấn đề quyết định đồng phạm thành một điều luật riêng (tác giả xin được làm rõ ở phần sau).

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của người tổ chức trong đồng phạm

Trên cơ sở các qui định của BLHS năm 1999 liên quan đến người tổ chức trong đồng phạm, chúng ta có thể nhận biết các dấu hiệu về mặt pháp lý hình sự của người này như sau

- Về chủ thể: Người tổ chức trong đồng phạm là người đáp ứng đầy đủ các dấu hiệu chủ thể của tội phạm. Đó là một con người cụ thể, người đó phải có năng lực TNHS và đạt độ tuổi mà PLHS quy định. Đối với các tội phạm đòi hỏi chủ thể đặc biệt thì người tổ chức không nhất thiết phải là chủ thể đặc biệt.

- Về mặt chủ quan: Hành vi phạm tội của người tổ chức luôn được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp.

- Về mặt khách quan: Hành vi phạm tội của người tổ chức có mối quan hệ nhân quả với hậu quả của tội phạm do chính người tổ chức gây ra.

2.1.2. Trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong đồng phạm trong trường hợp đồng phạm hoàn thành

BLHS năm 1999 hiện hành đã qui định rõ việc giải quyết vấn đề TNHS của những người đồng phạm bằng một điều luật riêng biệt tại Điều 53 BLHS về Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, trên cơ sở phải tuân thủ 3 nguyên tắc:

Thứ nhất, người tổ chức cùng những người đồng phạm khác phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm: Theo nguyên tắc này thì tất cả những người đồng phạm đều phải chịu TNHS liên đới đối với tội phạm chung do cố ý mà họ đã cùng tham gia vào việc thực hiện, trong đó người tổ chức cùng những người

đồng phạm có cùng ý chí khi tham gia vào việc thực hiện tội phạm và mong muốn hậu quả của tội phạm xảy ra.

Thứ hai, người tổ chức cùng những người đồng phạm khác phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình: Theo nguyên tắc này thì người tổ chức cùng những người đồng phạm khác phải chịu TNHS về hành vi mà tất cả họ cùng chung hành động và cùng chung ý định phạm tội chứ không phải chịu TNHS về hành vi vượt quá của người thực hành hoặc của người đồng phạm khác. Vì hành vi vượt quá của một người trong vụ đồng phạm nằm ngoài ý chí chí và nguyện vọng của người đồng phạm kia. Cũng theo nguyên tắc này, thì những tình tiết tăng nặng TNHS hay giảm nhẹ TNHS, việc miễn TNHS; miễn hình phạt; miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện mà liên quan đến người tổ chức hay những người đồng phạm khác thì chỉ áp dụng riêng đối với người

Thứ ba, nguyên tắc cá thể hóa TNHS của người tổ chức cũng như những người đồng phạm khác

Tính chất tham gia phạm tội của người tổ chức được xác định bởi vai trò của họ trong vụ đồng phạm, họ tham gia với vai trò chủ mưu, cầm đầu hay chỉ huy. Việc đánh giá tính chất tham gia của người tổ chức cũng như từng người đồng phạm phải tùy thuộc vào loại tội phạm cụ thể đã được thực hiện, vào tính chất của đồng phạm và vào các tình tiết khách quan, chủ quan của vụ án.

2.1.3. Trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong đồng phạm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

Người tổ chức cũng như người xúi giục và người giúp sức người khác phạm tội, nhưng chưa đưa đến việc người thực hành thực hiện tội phạm thì vẫn phải chịu TNHS về tội phạm mà họ cố ý tổ chức, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và tội phạm đó phải là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng Vấn đề này chưa được chính thức điều chỉnh về mặt lập pháp, ngay cả BLHS năm 1985 cũng như BLHS năm 1999 cũng không quy định hành vi tổ chức, xúi giục, giúp sức nhưng chưa đưa đến việc thực hiện tội phạm là hành vi chuẩn bị phạm tội.

Khác với giai đoạn chuẩn bị tổ chức thực hiện tội phạm, ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, người tổ chức đã bắt đầu có hành vi thành lập băng nhóm phạm tội

hoặc điều khiển nhóm phạm tội nhằm thực hiện tội phạm cụ thể nhưng chưa đạt kết quả như cấu thành tội phạm của hành vi tổ chức thực hiện tội phạm đòi hỏi. Khi đó giai đoạn phạm tội chưa đạt của hành vi tổ chức của người tổ chức xảy ra khi người này không rủ rê, lôi kéo được những người khác tham gia vào băng, nhóm (tổ chức) phạm tội nên băng, nhóm (tổ chức) phạm tội không được thành lập; hay mặc dù băng, nhóm (tổ chức) phạm tội đã được thành lập nhưng chưa thực hiện hành vi phạm tội nào trên thực tế thì đã bị phát hiện, bị phát giác.

Trong BLHS hiện hành chưa có quy định về TNHS của người tổ chức trong các giai đoạn phạm tội, vì vậy để có căn cứ pháp lý thống nhất trong việc giải quyết TNHS đối với hành vi tổ chức nói riêng, hành vi giúp sức, xúi giục nói chung nhưng không thành, cần phải quy định chính thức trong BLHS hiện hành về hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và để phân biệt với tội phạm hoàn thành trong đồng phạm để có đường lối xử lý đúng đắn, thống nhất.

2.1.4. Trách nhiệm hình sự của người tổ chức trong đồng phạm trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm

Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm là một trường hợp đặc biệt của quy định tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội nói chung. Theo Nghị quyết số 01/89/HĐTP ngày 19/4/1989 của HĐTP TAND tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 01/89/HĐTP ngày 19/04/1989 về điều kiện của người tổ chức được miễn TNHS trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Tóm lại, vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt trong đồng phạm nói chung, áp dụng đối với người tổ chức nói riêng đã được thực tiễn xét xử thừa nhận và giải quyết. Tuy nhiên về mặt lập pháp hình sự vấn đề này chưa được chính thức quy định trong BLHS hiện hành.

2.2. Thực tiễn xét xử người tổ chức trong đồng phạm

Xuất phát từ đặc điểm của đề tài nghiên cứu khó có thể làm công tác thống kê trên phạm vi cả nước, cho nên phần này tác giả lấy số liệu của TAND thành phố Hà Nội qua các bản án hình sự đã xét xử có người tổ chức (từ năm 2005 - 2009), tác giả đã lập năm bảng số liệu với các tiêu chí khác nhau: Tổng hợp số vụ án hình sự có người tổ chức trong vụ án đồng phạm; Tổng hợp kết quả xét xử một số loại tội có người tổ chức trong vụ án có đồng phạm; Tổng hợp kết quả một số dạng người tổ chức đã xét xử sơ thẩm trong vụ án đồng phạm; Tổng hợp

kết quả đặc điểm nhân thân người tổ chức đã xét xử sơ thẩm trong vụ án đồng phạm; tổng hợp kết quả vụ án có người tổ chức có kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài ra tác giả đưa ra một số vụ án cụ thể đã xét xử có sự tham gia của người tổ chức, trên cơ sở nhận xét đánh giá của các Tòa án, tác giả cũng đưa ra quan điểm của cá nhân về vụ án đó. Từ đó nêu ra những thiếu sót, tồn tại, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự có người tổ chức tham gia.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ NGƯỜI TỔ CHỨC TRONG ĐỒNG PHẠM

3.1. Những hạn chế trong các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về người tổ chức trong đồng phạm

Trong phần này tác giả đã nêu năm hạn chế là: Về quy định khái niệm người tổ chức trong đồng phạm; Về việc phân hóa mức độ TNHS của những người đồng phạm nói chung, người tổ chức nói riêng; Về quy định TNHS của người tổ chức trong các giai đoạn phạm tội trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt); Về quy định TNHS của người tổ chức trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm; Về quy định trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định tại khoản 3 Điều 20 BLHS năm 1999

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật

Trên cơ sở những hạn chế đã nêu trên, tác giả đã mạnh dạn đưa ra đưa ra một số giải pháp sau:

- Về khái niệm người tổ chức trong đồng phạm, quan điểm của tác giả đã nêu ở phần 1.1.1

- Về phân hóa mức độ TNHS của những người đồng phạm nói chung, người tổ chức nói riêng, tác giả đưa ra mô hình lý luận của Điều 53 quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm như sau:

"Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm."

Đối với người tổ chức, nếu Điều luật được áp dụng có qui định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt thấp nhất được áp dụng không được thấp hơn 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt được áp dụng không được thấp hơn một phần hai mức cao nhất của khung hình phạt ấy mà điều luật qui định.

Đối với người thực hành, nếu Điều luật được áp dụng có qui định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt thấp nhất được áp dụng không được thấp hơn 10 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt được áp dụng không được thấp hơn một phần ba mức cao nhất của khung hình phạt ấy mà điều luật qui định.

Đối với người xúi giục, giúp sức: nếu Điều luật được áp dụng có qui định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt thấp nhất được áp dụng không được thấp hơn 07 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt được áp dụng không được thấp hơn một phần tư mức cao nhất của khung hình phạt ấy mà điều luật qui định.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng với người đó".

- Về TNHS của người tổ chức trong các giai đoạn phạm tội(trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt), tác giả đưa ra mô hình lý luận như sau:

Điều 17. Chuẩn bị phạm tội

"Chuẩn bị phạm là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm

Chuẩn bị tổ chức thực hiện tội phạm là việc nghiên cứu, tìm hiểu lựa chọn những người thích hợp để có thể lôi kéo, tập hợp rủ rê thành nhóm phạm tội hoặc vạch ra kế hoạch thực hiện tội phạm cụ thể, trong đó dự kiến phân công vai trò của từng người trong việc thực hiện tội phạm và điều hòa sự phối hợp giữa những người đó.

Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu TNHS về tội định thực hiện.

Người chuẩn bị tổ chức thực hiện một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng vẫn phải chịu TNHS về tội định tổ chức thực hiện trong trường hợp người thực hành không thực hiện tội phạm đến cùng vì hoàn cảnh khách quan.

Người xúi giục...

Người giúp sức..."

Điều 18. Phạm tội chưa đạt

"Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Người tổ chức phạm tội chưa đạt là người tổ chức đã bắt đầu có hành vi thành lập băng nhóm phạm tội hoặc điều khiển nhóm phạm tội nhằm thực hiện tội phạm cụ thể nhưng chưa đạt kết quả như cấu thành tội phạm của hành vi tổ chức thực hiện tội phạm.

Người xúi giục phạm tội chưa đạt...

Người giúp sức phạm tội chưa đạt...

Người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức đều phải chịu TNHS về tội phạm chưa đạt".

- Về TNHS của người tổ chức trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm, theo tác giả cần bổ sung nội dung của Nghị quyết số 01/89/HĐTP ngày 19/04/1989 của HĐTP TAND tối cao.

- Về qui định tại khoản 3 Điều 20 - Trường hợp phạm tội có tổ chức, quan điểm của tác như sau: *"Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm".*

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người tổ chức trong đồng phạm

Tác giả luận văn đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về người tổ chức trong đồng phạm về lập pháp và về áp dụng pháp luật

KẾT LUẬN

Đồng phạm là một chế định phức tạp trong LHS không chỉ đối với PLHS nước ta, mà đối với cả PLHS các nước trên thế giới. Liên quan đến chế định đồng phạm có nhiều vấn đề còn đang tranh luận trong giới các nhà nghiên cứu khoa học LHS cũng như các nhà hoạt động thực tiễn trong vực này. Một trong các vấn đề đó có vấn đề người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam.

Cho đến nay, người tổ chức trong đồng phạm theo LHS Việt Nam vẫn chưa được các nhà lập pháp quan tâm một cách thỏa đáng, mặc dù đây là một vấn đề

quan trọng trong chế định đồng phạm và là vấn đề có ý nghĩa lớn đối với việc xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện bởi những người đồng phạm, nó có liên quan đến việc xác định TNHS đối với những người đồng phạm, cũng như có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt đối với họ. PLHS hiện hành chưa có qui định cụ thể, rõ ràng về vấn đề này, do vậy là một khó khăn lớn cho các nhà hoạt động thực tiễn trong việc áp dụng. Đồng thời cũng chính vì chưa có qui định rõ ràng nên giữa khoa học với pháp luật thực định không có sự thống nhất với nhau. Chính vì vậy, trong khoa học LHS càng cần phải có nhiều nghiên cứu hơn nữa về vấn đề này để giúp cho các nhà lập pháp tìm ra được một giải pháp tối ưu nhất đưa vào pháp luật thực định, đáp ứng được yêu cầu của lý luận cũng như thực tiễn xét xử hình sự nước ta hiện nay.

Lựa chọn đề tài **"Người tổ chức trong đồng phạm theo Luật hình sự Việt Nam"**, tác giả tìm ra sự khác nhau giữa qui định của PLHS hiện hành với lý luận và thực tiễn áp dụng chúng. Qua đó tìm ra những bất cập của PLHS hiện hành về vấn đề này để làm cơ sở cho việc kiến nghị, đề xuất về qui định người tổ chức trong BLHS trong thời gian tới. Với thời gian nghiên cứu hạn chế và giới hạn cho phép của một luận văn, tác giả đã đạt được một số kết quả khiêm tốn sau:

1. Phân tích được khái niệm, các đặc điểm cơ bản của loại người tổ chức trong đồng phạm; sự cần thiết, ý nghĩa của việc qui định người tổ chức trong đồng phạm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật nước ta trong thời gian qua đồng thời nêu lên được các số liệu, nhận xét đánh giá, nguyên nhân của tình hình tội phạm có người tổ chức tham gia của nước ta trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2009.

2. Thống kê, hệ thống các loại tội phạm có người tổ chức tham gia của một số tội danh cụ thể trong BLHS năm 1999 qua đó rút ra được đường lối đấu tranh phòng, chống tội phạm là: Cần phân hóa TNHS của người tổ chức với người đồng phạm khác.

3. Luận văn đã phân nào về lại được "chân dung" người tổ chức trong đồng phạm trong thời đại hội nhập và xu hướng phát triển của loại người này trong thời gian tới tại Việt Nam, từ đó đưa ra khái niệm đầy đủ về loại người này, đồng thời đưa ra những kiến nghị, giải pháp áp dụng qui định của BLHS năm 1999.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo và bạn đọc.